

Số: 18/2018/QĐST – HNGĐ

GV, ngày 08 tháng 3 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 123/2018/TLST/HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa:
Nguyên đơn: **Chị Lê Thị H**, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Thôn K, xã G, huyện G, tỉnh N.
Bị đơn: **Anh Trần Văn Đ**, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Thôn K, xã G, huyện G, tỉnh N.
- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 7 Điều 26, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lê Thị H và anh Trần Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị Lê Thị H và anh Trần Văn Đ về các vấn đề khác cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Trần Văn Đ đều thừa nhận vợ chồng có hai con chung, cháu lớn tên là Trần Văn V, sinh ngày 08/11/2009, cháu thứ hai tên là Trần Văn Ph, sinh ngày 10/02/2012. Khi ly hôn, hai bên thống nhất thoả thuận để anh Đ là người trực tiếp chăm sóc giáo dục cháu Trần Văn Ph, chị H là

người trực tiếp chăm sóc giáo dục cháu Trần Văn V, kể từ ngày 10 tháng 3/2018 cho đến khi các cháu Trần Văn V và Trần Văn Ph đủ 18 tuổi. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Các bên có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2 Về tài sản và công nợ chung;

Anh Đ và chị H đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản và công nợ chung và không đề nghị tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, vấn đề tài sản và công nợ chung Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí:

Chị Lê Thị H nhận nộp 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn theo biên lai số: AA/2010/04125 ngày 08/12/2017. Trả lại cho chị Lê Thị H 150.000^d tiền tạm ứng án phí đã nộp.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Chi cục Thi hành án dân sự h. G;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

TRẦN THỊ PHI